

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007
(*Báo cáo tài chính chưa hợp nhất*)

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	02 – 03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04 – 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	07 – 08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 – 23

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

Số 2, đường An Đà, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đoàn Văn Chương	Chủ tịch	(miễn nhiệm ngày 28/04/2007)
Ông Hoàng Văn Ngọc	Chủ tịch	(bổ nhiệm ngày 28/04/2007)
Ông Phạm Văn Viện	Thành viên	
Ông Đặng Quốc Dũng	Thành viên	
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	

Ban Giám đốc

Ông Đoàn Văn Chương	Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 31/12/2007)
Ông Hoàng Văn Ngọc	Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 31/12/2007)
Ông Phạm Văn Viện	Phó Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 28/05/2007)
Ông Trần Bá Phúc	Phó Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 28/05/2007)
Ông Nguyễn Trung Kiên	Kế toán trưởng	

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh, và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Hoàng Văn Ngọc
Tổng Giám đốc
(bổ nhiệm ngày 31/12/2007)

Ngày 16 tháng 02 năm 2008

Số: /Deloitte-AUDHP-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bằng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính kèm theo là báo cáo riêng của công ty, không bao gồm việc hợp nhất báo cáo tài chính của các công ty con và công ty liên kết. Các báo cáo tài chính kèm theo cũng không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 01, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN (Tiếp theo)

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý đối với người đọc báo cáo tài chính như sau:

Như đã trình bày tại thuyết minh số 6 phần thuyết minh báo cáo tài chính, hiện nay nhà máy sản xuất và văn phòng Công ty đặt tại số 2, đường An Đà, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Ngày 24/01/2007, Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng đã có ý kiến chỉ đạo tại Thông báo số 24/TB-UBND ngày 24/01/2007 về việc khảo sát địa hình địa chất để nghiên cứu quy hoạch và lập dự án xây dựng di chuyển cơ sở sản xuất của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiên Phong tới địa điểm mới là xã Hưng Đạo, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng. Ngày 14/02/2007, Công ty đã được Sở Xây dựng Hải Phòng cấp chứng chỉ quy hoạch số 33/CCQH với tổng diện tích là 136.612,9 m² ở xã Hưng Đạo, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng. Như trình bày tại thuyết minh số 23 phần thuyết minh báo cáo tài chính, đến ngày 31/12/2007, việc đền bù, giải phóng mặt bằng đã cơ bản hoàn thành. Ngày 02/01/2008, Công ty đã gửi Công văn số 01/NTP về việc xin chấp thuận chủ trương xây dựng khu cao ốc văn phòng và chung cư cao tầng của Công ty tại số 2 An Đà, Hải Phòng. Ngày 18/01/2008, Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng đã có công văn trả lời số 375/UBND-XD chấp nhận chủ trương xây dựng của Công ty và đề nghị các đơn vị có liên quan đề xuất báo cáo dự án nói trên. Theo đó, khu vực nhà xưởng và văn phòng hiện tại trong nội thành (diện tích đất thuê của nhà nước) có thể phải trả lại cho Ủy ban Nhân dân thành phố hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng. Điều này phụ thuộc vào quyết định cuối cùng của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Khi có quyết định cụ thể của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng về thời gian chính thức phải di dời nhà máy tại đường An Đà, Công ty sẽ xác định lại thời gian sử dụng hữu ích của những tài sản cố định này cho phù hợp.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 8 và thuyết minh số 9, tại ngày 31/12/2007, Công ty đang trình bày khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiên Phong phía Nam (công ty con) và Công ty Cổ phần Bao bì Tiên Phong (công ty liên kết) theo phương pháp giá gốc với số tiền lần lượt là 15.300.000.000 VNĐ và 2.398.200.000 VNĐ. Báo cáo tài chính năm 2007 của Công ty con (chưa được kiểm toán) có kết quả kinh doanh lãi 97.962.614 VNĐ và Công ty liên kết (chưa được kiểm toán) lỗ lũy kế đến 31/12/2007 là 1.499.825.420 VNĐ. Tuy nhiên, báo cáo tài chính kèm theo chỉ là báo cáo riêng của Công ty nên việc hợp nhất báo cáo tài chính các công ty con và công ty liên kết không được thực hiện tại báo cáo này.

Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm phụ trách chi nhánh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE
VIỆT NAM TẠI HẢI PHÒNG
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam
Ngày 16 tháng 02 năm 2008

Nguyễn Phương Lan
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0917/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	MẪU B 01-DN Đơn vị: VNĐ	
			31/12/2007	31/12/2006
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		416.845.010.733	273.870.061.129
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	21.661.145.773	57.954.861.060
1. Tiền	111		6.661.145.773	57.954.861.060
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		241.928.552.475	120.085.136.038
1. Phải thu khách hàng	131		220.302.077.378	113.455.575.448
2. Trả trước cho người bán	132		9.768.199.389	4.876.000.906
3. Các khoản phải thu khác	135		14.732.753.392	5.854.316.678
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.874.477.684)	(4.100.756.994)
III. Hàng tồn kho	140	5	153.255.312.485	95.830.064.031
1. Hàng tồn kho	141		153.255.312.485	95.830.064.031
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		126.692.233.323	62.541.449.818
I. Tài sản cố định	220		80.527.700.033	56.341.449.818
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	61.906.776.792	55.313.289.915
- Nguyên giá	222		194.263.463.357	168.089.312.311
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(132.356.686.565)	(112.776.022.396)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	7	18.620.923.241	1.028.159.903
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250		23.798.200.000	6.200.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	8	15.300.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	9	2.398.200.000	1.600.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	10	6.100.000.000	4.600.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		22.366.333.290	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	22.366.333.290	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		543.537.244.056	336.411.510.947

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2007	31/12/2006
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		205.429.466.026	90.314.128.309
I. Nợ ngắn hạn	310		205.429.466.026	90.314.128.309
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	111.264.759.821	53.128.908.167
2. Phải trả người bán	312		57.212.223.312	6.860.424.723
3. Người mua trả tiền trước	313		1.962.215.145	1.613.376.570
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	13	2.893.643.996	6.101.302.865
5. Phải trả người lao động	315		7.624.469.780	6.623.944.517
6. Chi phí phải trả	316	14	19.157.052.831	7.890.988.661
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		5.315.101.141	8.095.182.806
B. NGUỒN VỐN	400		338.107.778.030	246.097.382.638
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	338.404.288.146	247.868.870.637
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		216.689.980.000	144.460.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.715.067.980	6.940.056.881
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		114.999.240.166	96.468.813.756
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(296.510.116)	(1.771.487.999)
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431	15	(296.510.116)	(1.771.487.999)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		543.537.244.056	336.411.510.947

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Đơn vị	31/12/2007	31/12/2006
1. Nợ khó đòi đã xử lý	VNĐ	4.505.433.875	2.765.293.490
2. Ngoại tệ	USD	60.838,50	2.766,49

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Hoàng Văn Ngọc
Tổng Giám đốc
Ngày 16 tháng 02 năm 2008

Nguyễn Trung Kiên

Hoàng Thị Thu Mai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

MẪU B 02-DN
Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm 2007	Năm 2006
1. Doanh thu bán hàng	01		905.920.483.113	717.047.108.394
2. Các khoản giảm trừ	02		2.624.752.939	586.345.342
3. Doanh thu thuần về bán hàng	10		903.295.730.174	716.460.763.052
4. Giá vốn hàng bán	11		687.848.080.046	514.255.069.355
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng	20		215.447.650.128	202.205.693.697
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	3.850.939.554	1.168.182.025
7. Chi phí tài chính	22	19	6.119.353.344	7.585.284.693
8. Chi phí bán hàng	24	17	66.990.278.188	53.212.309.908
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20.896.231.386	23.853.311.257
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		125.292.726.764	118.722.969.864
11. Thu nhập khác	31		147.777.646	233.668.796
12. Chi phí khác	32		-	11.090.815
13. Lợi nhuận từ hoạt động khác	40	20	147.777.646	222.577.981
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		125.440.504.410	118.945.547.845
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế	60		125.440.504.410	118.945.547.845
17. Lãi trên cổ phiếu	70	22	7.718	9.417

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Hoàng Văn Ngọc
Tổng Giám đốc
Ngày 16 tháng 02 năm 2008

Nguyễn Trung Kiên

Hoàng Thị Thu Mai

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

MẪU B 03-DN
Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số		
		Năm 2007	Năm 2006
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	125.440.504.410	118.945.547.845
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	21.801.581.640	28.121.135.377
- Các khoản dự phòng	03	513.861.075	2.970.552.265
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	401.897.497	27.863.538
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.068.518.767)	(886.505.378)
- Chi phí lãi vay	06	5.084.039.618	6.579.394.747
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	150.173.365.473	155.757.988.394
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09	(122.277.143.293)	5.426.213.463
- (Tăng)/ Giảm hàng tồn kho	10	(57.425.248.454)	851.041.294
- Tăng các khoản phải trả	11	58.588.515.196	16.784.255.152
- (Tăng)/ Giảm chi phí trả trước	12	(22.366.333.290)	2.668.032.665
- Tiền lãi vay đã trả	13	(3.809.074.118)	(3.086.800.142)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	39.800.000	2.681.000
- Tiền chi từ quỹ khen thưởng và lợi nhuận chưa PP	16	(4.352.922.117)	(10.290.038.927)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.429.040.603)	168.113.372.899

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

MẪU B 03-DN
Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số		
		Năm 2007	Năm 2006
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(47.840.092.855)	(17.194.438.032)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	76.190.477	56.190.476
3. Tiền chi cho vay	23	-	(2.000.000.000)
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(17.598.200.000)	-
5. Tiền thu lãi cho vay	27	2.992.328.290	835.129.717
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(62.369.774.088)	(18.303.117.839)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	446.100.346.030	324.734.005.335
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(389.706.837.359)	(393.332.050.766)
3. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(28.891.998.000)	(32.472.737.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	27.501.510.671	(101.070.782.431)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(36.297.304.020)	48.739.472.629
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	57.954.861.060	9.215.491.488
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	3.588.733	(103.057)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	21.661.145.773	57.954.861.060

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền dùng để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm không bao gồm số tiền 1.852.261.000 VNĐ, là số tiền dùng để đầu tư chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Hoàng Văn Ngọc
Tổng Giám đốc
Ngày 16 tháng 02 năm 2008

Nguyễn Trung Kiên

Hoàng Thị Thu Mai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hoá theo quy định tại Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19/06/2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần. Việc chuyển Công ty Nhựa Thiếu niên Tiền phong thành Công ty cổ phần được thực hiện theo Quyết định số 80/2004/QĐ-BCN ngày 17/08/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0203001195 ngày 30/12/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, bổ sung.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 2, các cổ đông của Công ty bao gồm:

Cổ đông	Vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	80.397.330.000	37,1
Cổ đông khác	136.292.650.000	62,9

Tổng số vốn điều lệ của Công ty là: 216.689.980.000 VNĐ.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 2, đường An Đà, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 764 người (năm 2006: 837 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp và giao thông vận tải.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tại báo cáo này, Công ty đang trình bày khoản đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp giá gốc do đây là báo cáo tài chính riêng của Công ty. Công ty chưa lập báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay phương pháp hợp nhất toàn bộ.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2007 (số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 – 10
Máy móc và thiết bị	03 – 05
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị quản lý	03 – 05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Công ty không trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán do các khoản đầu tư chứng khoán được tự do trao đổi có giá trị ghi sổ thấp hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả, vay có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 28% trên thu nhập chịu thuế. Công ty bắt đầu chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 30/12/2004. Theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong ba năm tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Theo Công văn số 5248/TC-CST ngày 29/04/2005 của Bộ Tài chính về việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho tổ chức đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán, Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong hai năm tiếp theo kể từ khi hết thời hạn miễn thuế theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Kết hợp ưu đãi thuế theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp và ưu đãi thuế cho cho tổ chức đăng ký giao dịch chứng khoán, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn năm từ năm 2005 đến năm 2008, năm 2009 được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, từ năm 2010 trở đi áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 28% theo quy định của Luật thuế hiện hành.

Năm 2007 là năm thứ ba hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần và là năm thứ ba kinh doanh có lãi nên Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2007 (VNĐ)	31/12/2006 (VNĐ)
Tiền mặt	55.664.620	788.292.399
Tiền gửi ngân hàng	6.605.481.153	57.166.568.661
Các khoản tương đương tiền	15.000.000.000	-
	21.661.145.773	57.954.861.060

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2007 (VNĐ)	31/12/2006 (VNĐ)
Hàng mua đang đi trên đường	40.761.045.911	-
Nguyên liệu, vật liệu	74.922.635.780	53.831.734.091
Công cụ, dụng cụ	3.233.578.265	1.094.420.618
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.918.075.893	8.851.135.088
Thành phẩm	23.419.976.636	32.052.774.234
	153.255.312.485	95.830.064.031

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

6. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2007	14.686.259.840	147.187.341.251	3.777.617.713	2.438.093.507	168.089.312.311
Mua sắm trong năm	-	501.124.295	-	45.295.545	546.419.840
Xây dựng cơ bản chuyển sang	5.918.743.925	20.185.108.227	646.547.533	1.098.248.992	27.848.648.677
Thanh lý trong năm	-	(2.173.265.852)	-	(47.651.619)	(2.220.917.471)
Tại ngày 31/12/2007	20.605.003.765	165.700.307.921	4.424.165.246	3.533.986.425	194.263.463.357
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2007	6.627.691.828	101.576.444.476	2.473.085.388	2.098.800.704	112.776.022.396
Trích khấu hao trong năm	2.008.788.657	18.757.701.237	562.491.524	472.600.222	21.801.581.640
Thanh lý trong năm	-	(2.173.265.852)	-	(47.651.619)	(2.220.917.471)
Tại ngày 31/12/2007	8.636.480.485	118.160.879.861	3.035.576.912	2.523.749.307	132.356.686.565
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2007	11.968.523.280	47.539.428.060	1.388.588.334	1.010.237.118	61.906.776.792
Tại ngày 31/12/2006	8.058.568.012	45.610.896.775	1.304.532.325	339.292.803	55.313.289.915

Tại ngày 31/12/2007, nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 86.248.939.713 VND.

Như trình bày tại thuyết minh số 12, Công ty đã cầm cố, thế chấp máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2007 là 11.483.147.575 VND để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Công thương Ngô Quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)**

Hiện nay, nhà máy sản xuất và văn phòng Công ty đặt tại số 2, đường An Đà, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Ngày 24/01/2007, Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng đã có ý kiến chỉ đạo tại Thông báo số 24/TB-UBND ngày 24/01/2007 về việc khảo sát địa hình địa chất để nghiên cứu quy hoạch và lập dự án xây dựng di chuyển cơ sở sản xuất của Công ty tới địa điểm mới là xã Hưng Đạo, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng. Như trình bày tại thuyết minh số 23, đến ngày 31/12/2007, việc đền bù, giải phóng mặt bằng đã cơ bản hoàn thiện. Ngày 02/01/2008, Công ty đã gửi Công văn số 01/NTP về việc xin chấp thuận chủ trương xây dựng khu cao ốc văn phòng và chung cư cao tầng của Công ty tại số 2 An Đà, Hải Phòng. Ngày 18/01/2008, Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng đã có công văn trả lời số 375/UBND – XD, chấp nhận chủ trương xây dựng của Công ty và đề nghị các đơn vị có liên quan đề xuất báo cáo dự án nói trên.

Theo đó, khu vực nhà xưởng và văn phòng hiện tại trong nội thành (diện tích đất thuê của Nhà nước) có thể phải trả lại cho Ủy ban Nhân dân thành phố hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng. Điều này phụ thuộc vào quyết định cuối cùng của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Giá trị còn lại của nhà cửa, vật kiến trúc trên diện tích đất số 2, đường An Đà, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng nói trên tại ngày 31/12/2007 là 11.968.523.280 VNĐ. Nếu như Công ty tiếp tục khấu hao tài sản theo tỷ lệ hiện tại thì sau 7 năm nữa các tài sản này sẽ hết khấu hao. Khi có quyết định cụ thể của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng về thời gian chính thức phải di dời nhà máy tại An Đà, Công ty sẽ xác định lại thời gian sử dụng hữu ích của những tài sản cố định này cho phù hợp.

7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2007 (VNĐ)	Năm 2006 (VNĐ)
Tại ngày 01 tháng 01	1.028.159.903	2.436.605.783
Tăng	45.441.412.015	16.882.164.492
Kết chuyển vào tài sản	27.848.648.677	18.290.610.372
Tại ngày 31 tháng 12	18.620.923.241	1.028.159.903

Trong số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2007 bao gồm số dư các hạng mục dự án xây dựng di chuyển cơ sở sản xuất của Công ty tại xã Hưng Đạo, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng với số tiền là 18.609.777.741 VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	(VND)	(VND)
Đầu tư vào Công ty con	15.300.000.000	-
	15.300.000.000	-

CHI PHÍ BÁN HÀNG

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31/12/2007 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiên Phong phía Nam	Tỉnh Bình Dương	51%	51%	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp và giao thông vận tải.

Ngày 8/8/2007, Công ty đã thông qua phương án góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiên Phong phía Nam tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 8/8/2007 với tỷ lệ 51% tổng vốn điều lệ. Đến nay, Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiên Phong phía Nam đã đăng ký kinh doanh với vốn điều lệ là 100 tỷ VNĐ. Hiện tại, Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiên Phong phía Nam đang tiến hành xây dựng nhà xưởng, mua sắm thiết bị và bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh. Đến ngày 31/12/2007, Công ty đã góp vốn theo tiến độ là 15,3 tỷ VNĐ vào công ty con.

Theo báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiên Phong phía Nam (chưa được kiểm toán), kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính 2007 là 97.962.614 VNĐ.

9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2007 (VND)	31/12/2006 (VND)
Đầu tư vào Công ty liên kết	2.398.200.000	1.600.000.000
	2.398.200.000	1.600.000.000

Trong năm, Công ty đã góp thêm vốn vào công ty liên kết với tổng số tiền là 2.398.200.000 VNĐ. Theo đó, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ trong công ty liên kết tăng từ 40% (năm 2006) lên 49,98% (năm 2007).

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31/12/2007 như sau:

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Bao bì Tiên Phong	Hải Phòng	49,98%	49,98%	Sản xuất bao bì PP, bao xi măng, bao bì màng phức hợp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)**

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2007 (VNĐ)	31/12/2006 (VNĐ)
Tổng tài sản	15.512.421.111	13.745.641.683
Tổng công nợ	13.012.246.531	11.015.689.101
Tài sản thuần	2.500.174.580	2.729.952.582
Phần tài sản thuần		
Công ty đầu tư vào Công ty liên kết	1.249.587.255	1.364.430.300
	Năm 2007 (VNĐ)	Năm 2006 (VNĐ)
Doanh thu	29.620.346.613	22.113.504.463
Lỗ phát sinh trong năm	(241.661.721)	(482.246.320)

Theo báo cáo tài chính của Công ty liên kết (chưa được kiểm toán), tại ngày 31/12/2007 lỗ lũy kế là 1.499.825.420 VNĐ.

10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2007 (VNĐ)	31/12/2006 (VNĐ)
Đầu tư cổ phiếu (*)	1.600.000.000	100.000.000
Cho vay dài hạn (**)	4.500.000.000	4.500.000.000
	6.100.000.000	4.600.000.000

(*) Chi tiết số dư đầu tư cổ phiếu tại ngày 31/12/2007 như sau:

Cổ phiếu	Số lượng (cổ phần)	Mệnh giá (VNĐ)	Giá trị mua (VNĐ)
1. Công ty Cổ phần Khuôn mẫu chính xác và Nhựa kỹ thuật	10.000	10.000	100.000.000
2. Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhấp và Gợi	150.000	10.000	1.500.000.000
			1.600.000.000

Tại ngày 31/12/2007, các khoản đầu tư cổ phiếu trên được đánh giá là không bị suy giảm về mặt giá trị thị trường so với giá gốc của khoản đầu tư.

(**) Khoản cho Công ty Cổ phần Bao bì Tiên Phong - công ty liên kết - vay theo các hợp đồng vay vốn theo hạn mức tín dụng. Thời hạn cho vay là 05 năm kể từ ngày đầu tiên bên vay nhận khoản vay. Lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động vốn của cán bộ công nhân viên theo từng thời điểm. Lãi tiền vay được thanh toán vào ngày 25 hàng tháng, thời điểm bắt đầu tính lãi sau 01 tháng kể từ ngày nhận khoản vay, lãi suất quá hạn bằng 120% lãi suất vay thông thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Năm 2007 (VNĐ)	Năm 2006 (VNĐ)
Tại ngày 01 tháng 01	-	2.668.032.665
Tăng	26.095.801.131	-
Phân bổ vào chi phí trong năm	3.729.467.841	2.668.032.665
Tại ngày 31 tháng 12	22.366.333.290	-

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2007 (VNĐ)	31/12/2006 (VNĐ)
Vay ngân hàng	108.074.524.721	33.012.961.767
- Khoản vay bằng USD	108.074.524.721	33.012.961.767
Vay cán bộ công nhân viên	3.190.235.100	20.115.946.400
	111.264.759.821	53.128.908.167

Vay ngân hàng: Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng số 01/NH/HĐTD ngày 30/05/2007 giữa Công ty và Ngân hàng Công thương Ngô Quyền với hạn mức tín dụng là 120 tỷ đồng. Lãi suất của khoản vay bằng VNĐ là 10,2%/năm và bằng đồng USD là 6,2%/năm. Lãi vay sẽ được thanh toán vào ngày 25 hàng tháng và lãi suất cho vay này sẽ được điều chỉnh lại khi có thông báo thay đổi lãi suất của Ngân hàng Công thương Việt Nam. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay của hợp đồng đến 31/05/2008. Khoản vay có đảm bảo bằng tài sản là nhà xưởng, máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất và vật kiến trúc trên diện tích đất 32.426,7 m² thuộc sở hữu của Công ty với mức dư nợ là 43 tỷ đồng, khoản vay không đảm bảo bằng tài sản có mức dư nợ là 77 tỷ đồng.

Vay cán bộ công nhân viên: khoản vay các cán bộ công nhân viên trong Công ty theo quy chế huy động cho Công ty vay vốn lưu động ban hành theo Công văn số 285/TV ngày 10/04/1992. Theo đó, Công ty sẽ huy động vốn của cán bộ công nhân viên trong Công ty và tiến hành trả lãi 03 tháng một lần. Lãi suất của từng thời kỳ sẽ được thay đổi theo quyết định của Công ty.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2007 (VNĐ)	31/12/2006 (VNĐ)
Thuế giá trị gia tăng	965.070.171	4.500.770.990
Thuế xuất nhập khẩu	803.518.267	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.120.790.172	1.600.531.875
	2.893.643.996	6.101.302.865

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2007 (VNĐ)	31/12/2006 (VNĐ)
Thưởng khuyến mại	16.693.266.026	7.279.462.856
Phải trả các nhà thầu (*)	1.852.261.000	-
Thưởng tiết kiệm vật tư	575.764.000	575.764.000
Chi phí lãi vay	35.761.805	35.761.805
	19.157.052.831	7.890.988.661

(*) Khoản phải trả các nhà thầu thi công dự án xây dựng di chuyển cơ sở sản xuất của Công ty tới địa điểm mới là xã Hưng Đạo, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng.

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ CÁC QUỸ

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu và các quỹ

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Đơn vị: VNĐ Lợi nhuận chưa phân phối
Tại ngày 01/01/2006	90.000.000.000	-	(13.789.064.573)	94.415.673.393
Lãi trong năm	-	-	-	118.945.547.845
Chia cổ tức trong năm	54.460.000.000	-	-	(86.929.000.000)
Trích quỹ trong năm	-	6.959.565.893	18.198.388.500	(25.157.954.393)
Chi quỹ trong năm	-	-	(1.144.092.639)	-
Chi thưởng khuyến mại	-	-	(5.036.719.287)	-
Chi thưởng cán bộ công nhân viên	-	-	-	(4.000.000.000)
Chi khác	-	(19.509.012)	-	(805.453.089)
	144.460.000.000	6.940.056.881	(1.771.487.999)	96.468.813.756
Tại ngày 01/01/2007	144.460.000.000	6.940.056.881	(1.771.487.999)	96.468.813.756
Lãi trong năm	-	-	-	125.440.504.410
Chia cổ phiếu thưởng (1)	72.230.000.000	-	-	(72.230.000.000)
Chia cổ tức năm 2006 bằng tiền (1)	-	-	-	(7.223.000.000)
Trích quỹ trong năm (1)	-	-	5.000.000.000	(5.000.000.000)
Chi thưởng HĐQT, BKS	-	-	-	(500.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2007 (2)	-	-	-	(21.668.998.000)
Chi quỹ trong năm	-	(224.988.901)	(3.564.822.117)	-
Khác	(20.000)	-	39.800.000	(288.080.000)
Tại ngày 31/12/2007	216.689.980.000	6.715.067.980	(296.510.116)	114.999.240.166

(1) Trong năm, Công ty phân phối lợi nhuận năm 2006 theo Nghị quyết số 101/NQQ-HĐQT của Đại hội cổ đông thường niên năm 2007 ngày 1/4/2007.

(2) Công ty tạm ứng cổ tức 6 tháng đầu năm 2007 là 10% theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 145/NQ - HĐQT ngày 14/06/2007.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ CÁC QUỸ (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi bổ sung, tổng vốn điều lệ của Công ty là 216.689.980.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, vốn điều lệ của Công ty đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	31/12/2007		31/12/2006	
	(VND)	(%)	(VND)	(%)
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	80.397.330.000	37,1	53.600.000.000	37,1
Các cổ đông khác	136.292.650.000	62,9	90.860.000.000	62,9
	216.689.980.000	100	144.460.000.000	100

16. BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Dưới đây là phân tích doanh thu của Công ty theo khu vực địa lý:

	Năm 2007 (VND)	Năm 2006 (VND)
Thị trường miền Bắc	649.546.141.294	510.943.426.635
Thị trường miền Trung	231.142.490.179	193.588.027.653
Thị trường miền Nam	18.112.244.706	8.118.503.114
Xuất khẩu	7.119.606.934	4.397.150.992
	905.920.483.113	717.047.108.394

17. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2007 (VND)	Năm 2006 (VND)
Chi thường khuyến mại (*)	27.607.200.000	23.564.047.866
Chi phí nhân công	9.078.550.546	7.160.220.766
Chi phí nguyên vật liệu	2.489.385.841	1.885.330.126
Chi phí khấu hao	1.152.104.208	783.144.447
Chi phí bốc xếp vận chuyển	14.170.471.986	11.784.719.467
Chiết khấu bán hàng	1.938.056.395	2.464.700.410
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.839.353.167	3.152.209.842
Chi phí khác	4.715.156.045	2.417.936.984
	66.990.278.188	53.212.309.908

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2007 (VNĐ)	Năm 2006 (VNĐ)
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.566.283.152	433.468.597
Lãi tiền cho vay	426.045.138	401.661.120
Lãi chênh lệch tỷ giá	858.611.264	333.052.308
	3.850.939.554	1.168.182.025

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2007 (VNĐ)	Năm 2006 (VNĐ)
Lãi tiền vay	5.084.039.618	6.579.394.747
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.035.313.726	1.005.889.946
	6.119.353.344	7.585.284.693

20. LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm 2007 (VNĐ)	Năm 2006 (VNĐ)
Thu nhập khác	147.777.646	233.668.796
Thanh lý tài sản cố định	76.190.477	56.190.476
Thu nhập khác	71.587.169	177.478.320
Chi phí khác	-	11.090.815
Thanh lý tài sản cố định	-	4.814.815
Chi phí khác	-	6.276.000
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	147.777.646	222.577.981

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2007 (VNĐ)	Năm 2006 (VNĐ)
Lợi nhuận trước thuế	125.440.504.410	118.945.547.845
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	125.440.504.410	118.945.547.845
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	28%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.123.341.235	33.304.753.397
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn (*)	(35.123.341.235)	(33.304.753.397)
	-	-

(*) Như đã trình bày tại thuyết minh số 3 - phần “Thuế”, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn năm từ năm 2005 đến năm 2008, năm 2009 được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, từ năm 2010 trở đi áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 28% theo quy định của Luật thuế hiện hành. Vì vậy năm 2007 vẫn là năm được ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2007 (VNĐ)	Năm 2006 (VNĐ)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	125.440.504.410	118.945.547.854
Ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng	-	-
Lãi từ các giấy nhận nợ có thể chuyển đổi	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	16.252.062	12.630.667
Lãi trên cổ phiếu	7.718	9.417

23. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Ngày 24/01/2007, Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng có ý kiến chỉ đạo tại Thông báo số 24/TB-UBND về việc khảo sát địa hình địa chất khu đất 136.612,9 m² tại thôn Tiểu Trà, xã Hưng Đạo, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng để nghiên cứu quy hoạch và lập dự án xây dựng di chuyển cơ sở sản xuất của Công ty. Bằng văn bản này, Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng cũng quyết định thu hồi đất đã cho các công ty khác thuê nhưng đến nay không có nhu cầu sử dụng.

Ngày 14/02/2007, Công ty đã được Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng cấp chứng chỉ quy hoạch số 33/CCQH cho diện tích đất nêu trên. Theo đó, chức năng của khu đất để xây dựng văn phòng, xưởng sản xuất, kho bãi, nhà nghỉ, nhà ăn ca và các công trình phụ trợ khác của Công ty. Ngày 16/03/2007, Công ty đã được Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 02121000042 về dự án nói trên. Theo đó, dự án có tổng vốn đầu tư là 195.577.754.570 VNĐ, thời gian thực hiện dự án là 50 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư, tiến độ thực hiện dự án từ tháng 1/2007 đến tháng 12/2008.

Công ty đã ký biên bản thỏa thuận với các đơn vị bị thu hồi đất về việc bồi thường chi phí chuyển quyền sử dụng đất, thanh toán tiền cho đơn vị này, tiến hành các thủ tục đền bù, giải phóng mặt bằng, ký hợp đồng với đơn vị tư vấn để thực hiện việc ký hợp đồng thuê đất và làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 26/02/2008, Công ty đã chính thức tiến hành thủ tục bàn giao thực địa tại thôn Tiểu Trà, xã Hưng Đạo, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng. Theo đó, Công ty sẽ tiến hành việc xây dựng cơ sở hạ tầng, nhà máy và lắp đặt máy móc thiết bị trong năm 2008.

Cũng theo chủ trương trên, đối với khu nhà xưởng, văn phòng đặt tại số 2 An Đà, thành phố Hải Phòng, ngày 02/01/2008, Công ty đã gửi Công văn số 01/NTP về việc xin chấp thuận chủ trương xây dựng khu cao ốc văn phòng và chung cư cao tầng của Công ty. Ngày 18/01/2008, Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng đã có công văn trả lời số 375/UBND – XD, chấp nhận chủ trương xây dựng của Công ty và đề nghị các đơn vị có liên quan đề xuất báo cáo dự án nói trên.

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm 2007 (VNĐ)	Năm 2006 (VNĐ)
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	649.315.000	367.176.000

Khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê 31.655,2 m² đất tại số 2, đường An Đà, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng và số tiền thuê 125,8 m² đất tại số 55, đường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo hợp đồng thuê đất được ký giữa UBND thành phố Hải Phòng và Công ty khi còn là doanh nghiệp Nhà nước. Công ty chưa ký lại hợp đồng thuê đất khi chuyển sang Công ty cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Năm 2007 (VNĐ)	Năm 2006 (VNĐ)
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam ("NTP Phía Nam")		
- Góp vốn vào NTP Phía Nam	15.300.000.000	-
- Bán hàng cho NTP Phía Nam	3.982.854.476	-
- Thu tiền bán hàng từ NTP Phía Nam	117.000.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong ("BB Tiền Phong")		
- Mua hàng của BB Tiền Phong	1.016.753.420	743.941.200
- Thanh toán tiền hàng cho BB Tiền Phong	873.943.420	705.841.200
- Bán hàng cho BB Tiền Phong	-	9.999.000
- BB Tiền Phong thanh toán tiền mua hàng	-	9.999.000
- Lãi vay BB Tiền Phong phải trả Công ty	435.000.000	291.250.500
- Lãi vay BB Tiền Phong đã thanh toán	398.750.000	291.250.500
- Góp vốn vào BB Tiền Phong	798.200.000	-
Công ty TNHH Hương Minh (*)		
- Mua hàng trong năm	20.290.818.719	173.573.156.862
- Thanh toán trong năm	29.180.134.264	181.530.202.410
Ông Nguyễn Trung Kiên thanh toán tiền vay từ vốn huy động của cán bộ công nhân viên	22.030.000	916.103.000
Ông Đoàn Văn Chương thanh toán tiền vay từ vốn huy động của cán bộ công nhân viên	110.000.000	980.443.820
Ông Nguyễn Trung Kiên - mượn tài sản của Công ty	4.442.302	-
Ông Nguyễn Trung Kiên trả lãi vay	935.000	-
Ông Đoàn Văn Chương trả lãi vay	187.300	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2007 (VNĐ)	31/12/2006 (VNĐ)
- Phải thu NTP Phía Nam	3.865.854.476	-
- Cho BB Tiền Phong vay	4.500.000.000	4.500.000.000
- Phải trả BB Tiền Phong	182.710.000	39.900.000
- Phải thu Công ty TNHH Hương Minh (*)	4.878.393.135	13.767.708.680
- Phải thu khác Công ty TNHH Hương Minh (*)	80.907.847	80.907.847

(*) Công ty TNHH Hương Minh là bên liên quan do Giám đốc công ty này là người có quan hệ mật thiết với Ông Đặng Quốc Dũng – thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)***Thu nhập và các khoản vay của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị:*

Thu nhập Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2007 (VNĐ)	Năm 2006 (VNĐ)
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	1.494.826.000	1.364.725.200

Số dư các khoản vay của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị trong năm như sau:

	31/12/2007 (VNĐ)	01/01/2007 (VNĐ)
Cho Ông Đoàn Văn Chương vay từ vốn huy động của cán bộ công nhân viên	-	22.030.000
Cho Ông Nguyễn Trung Kiên vay từ vốn huy động của cán bộ công nhân viên	-	114.442.302

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.